

**ĐIỂM SINH VIÊN HỌC LẠI, HỌC CẢI THIỆN, HỌC VƯỢT CÙNG KHÓA K52, K53, K54**

Học kỳ: II, Năm học: 2020-2021

| STT | LỚP THEO HỌC | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | Điểm QTHT | Điểm thi | Điểm HP    | HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ     | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------------|------------|-----------|----------|------------|----------------------|---------|
| 1   | K50 HDDL1    | Trần Trọng Tín        | 11/09/1997 | 8.8       | 8.8      | <b>8.8</b> | Chuyên đề tốt nghiệp |         |
| 2   | K50 QLLH2    | Trần Thị Thanh Hạnh   | 01/03/1997 | 0.0       | 0.0      | <b>0.0</b> | Chuyên đề tốt nghiệp |         |
| 3   | K50 TCSK     | Đoàn Bảo Vi           | 14/08/1998 | 8.6       | 8.6      | <b>8.6</b> | Chuyên đề tốt nghiệp |         |
| 4   | K50 TMDT     | Phan Thị Hà           | 03/02/1998 | 8.8       | 8.8      | <b>8.8</b> | Chuyên đề tốt nghiệp |         |
| 5   | K50 TTMKT    | Nguyễn Nhật Anh       | 22/04/1998 | 8.3       | 8.3      | <b>8.3</b> | Chuyên đề tốt nghiệp |         |
| 6   | K51 QTKD     | Bùi Quang Nhật        | 13/04/1999 | 0.0       | 7.0      | <b>4.2</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 7   | K51 QLLH3    | Lê Thị Hòa            | 08/04/1999 | 0.0       | 8.4      | <b>5.0</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 8   | K51 QLLH3    | Lê Thị Thanh          | 07/06/1999 | 0.0       | 8.1      | <b>4.9</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 9   | K51 QTKD     | Lê Khắc Kiều Ngân     | 08/05/1999 | 8.5       | 8.7      | <b>8.6</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 10  | K51 QTKD     | Lê Thị Kim Hằng       | 16/05/1999 | 8.0       | 4.8      | <b>6.1</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 11  | K50 HDDL 2   | Đặng Công Tây         | 16/01/1998 | 0.0       | 3.6      | <b>2.2</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 12  | K52 LHĐT1    | Huỳnh Quốc Anh        | 07/10/2000 | 0.0       | 7.6      | <b>4.6</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 13  | K52 LHĐT1    | Hồ Lan Trinh          | 30/11/2000 | 0.0       | 8.5      | <b>5.1</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 14  | K52 DL 2     | Phan Diệu Thùy        | 19/01/2000 | 0.0       | 8.8      | <b>5.3</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 15  | K52 DL 2     | Lê Quang Huy          | 01/04/2000 | 7.0       | 6.5      | <b>6.7</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 16  | K52 DL 2     | Hoàng Văn Khả         | 28/08/2000 | 7.0       | 7.3      | <b>7.2</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 17  | K52 DL 2     | Nguyễn Thị Diễm Quỳnh | 31/10/2000 | 7.0       | 7.2      | <b>7.1</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 18  | K52 DL 2     | Lê Thị Thẩm           | 03/10/2000 | 7.0       | 6.6      | <b>6.8</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 19  | K52 DL 2     | Nguyễn Thị Y Bình     | 24/11/2000 | 7.0       | 8.0      | <b>7.6</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 20  | K52 DL 1     | Trần Thị Diễm Quỳnh   | 13/05/2000 | 7.0       | 7.5      | <b>7.3</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 21  | K52 LHĐT 3   | Lê Thị Thanh Ngọc     | 23/01/2000 | 7.0       | 7.8      | <b>7.5</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 22  | K51 QLLH1    | Vũ Văn Long           | 23/12/1999 | 7.0       | 7.5      | <b>7.3</b> | NNLCB CNMLN2         |         |
| 23  | K52 TCSK     | Nguyễn Thị Thu Hằng   | 17/01/2000 | 0.0       | 9.8      | <b>5.9</b> | NNLCB CNMLN2         |         |

| STT | LỚP THEO HỌC     | HỌ VÀ TÊN                | NGÀY SINH  | Điểm QTHT | Điểm thi | Điểm HP | HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ            | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------|------------|-----------|----------|---------|-----------------------------|---------|
| 24  | K50 TMDT         | Nguyễn Quốc Bảo          | 07/06/1998 | 0.0       | 3.0      | 1.8     | NNLCB CNMLN2                |         |
| 25  | K51 TCSK         | Nguyễn Thị Mỹ Linh       | 24/02/1999 | 8.0       | 8.0      | 8.0     | Cơ sở văn hóa Việt Nam      |         |
| 26  | K51 TCSK         | Bùi Lê Bảo Phúc          | 11/08/1998 | 7.7       | 7.7      | 7.7     | Cơ sở văn hóa Việt Nam      |         |
| 27  | K52 KTDL         | Lê Nguyễn Thị Hoài Hương | 20/02/2000 | 9.3       | 8.0      | 8.4     | Địa lý du lịch              |         |
| 28  | K53 QTDVDL&LHĐT3 | Bùi Ngọc Hân             | 04/06/2000 | 9.0       | 9.5      | 9.4     | Du lịch MICE                |         |
| 29  | K54 QTDVDL&LHĐT1 | Trần Thị Ngọc Tiên       | 30/04/2000 | 8.7       | 9.0      | 8.9     | Du lịch MICE                |         |
| 30  | K51 HDDL 1       | Vũ Thị Thùy Linh         | 30/09/1999 | 9.0       | 10.0     | 9.7     | Khoa học môi trường         |         |
| 31  | K53 LH 1         | Huỳnh Thị Mỹ Linh        | 01/01/2001 | 8.1       | 8.5      | 8.3     | Kinh tế chính trị Mác LêNin |         |
| 32  | K53 LH1          | Huỳnh Thị Ngân Nhi       | 21/07/2001 | 8.0       | 8.0      | 8.0     | Kinh tế chính trị Mác LêNin |         |
| 33  | K53 LH1          | Hoàng Văn Anh Quốc       | 10/11/2001 | 2.0       | 8.0      | 5.6     | Kinh tế chính trị Mác LêNin |         |
| 34  | K53 DLĐT         | Trương Thị Phương Nhi    | 02/01/2001 | 8.1       | 7.0      | 7.4     | Kinh tế chính trị Mác LêNin |         |
| 35  | K53 DLĐT         | Lê Thị Ánh Vân           | 10/06/2001 | 8.1       | 0.0      | 3.2     | Kinh tế chính trị Mác LêNin |         |
| 36  | K53 DLĐT         | Hồ Văn Minh Nhật         | 31/05/2001 | 0.0       | 0.0      | 0.0     | Kinh tế chính trị Mác LêNin |         |
| 37  |                  | Vanhthida Sabaiph        | 23/07/1999 | 8.5       | 8.0      | 8.2     | Kinh tế chính trị Mác LêNin |         |
| 38  |                  | Khongpadit Somchit       | 14/6/95    | 8.5       | 6.0      | 7.0     | Kinh tế chính trị Mác LêNin |         |
| 39  |                  | Sithipanya Soukdav       | 16/7/00    | 8.5       | 7.5      | 7.9     | Kinh tế chính trị Mác LêNin |         |
| 40  |                  | Boulauong King           | 23/12/2000 | 7.9       | 6.0      | 6.8     | Kinh tế chính trị Mác LêNin |         |
| 41  | K51 QTKD         | Bùi Quang Nhật           | 13/04/1999 | 0.0       | 0.0      | 0.0     | Kinh tế lượng               |         |
| 42  | K51 QLLH3        | Lê Thị Hòa               | 08/04/1999 | 6.3       | 4.5      | 5.0     | Kinh tế lượng               |         |
| 43  | K51 TCSK         | Lê Thị Thu Vân           | 03/05/1999 | 7.0       | 4.5      | 5.3     | Kinh tế lượng               |         |
| 44  | K50 TMDT         | Nguyễn Quốc Bảo          | 07/06/1998 | 8.2       | 5.5      | 6.3     | Kinh tế lượng               |         |
| 45  | K51 TCSK         | Trần Thị Minh Phương     | 08/07/1999 | 8.9       | 6.0      | 6.9     | Kinh tế lượng               |         |
| 46  | K52 KTDL         | Lê Nguyễn Thị Hoài Hương | 20/02/2000 | 8.0       | 8.3      | 8.2     | Kinh tế phát triển          |         |
| 47  | K53 LH1          | Nguyễn Công Nam Giang    | 22/03/2000 | 7.0       | 8.2      | 7.8     | Kinh tế vi mô               |         |
| 48  | K52 DL2          | Lê Nguyễn Kiều My        | 12/11/2000 | 8.3       | 8.2      | 8.2     | Kinh tế vi mô               |         |
| 49  | K52 DL2          | Vũ Thị Vân Anh           | 15/10/2000 | 7.7       | 7.5      | 7.6     | Kinh tế vi mô               |         |
| 50  | K52 DL2          | Nguyễn Trần Bảo Trân     | 27/07/2000 | 7.7       | 6.9      | 7.1     | Kinh tế vi mô               |         |
| 51  | K53 LH1          | Lê Thị Ly                | 20/04/2001 | 8.0       | 3.7      | 5.0     | Kinh tế vi mô               |         |

| STT | LỚP THEO HỌC      | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | Điểm QTHT | Điểm thi | Điểm HP | HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ                    | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------|------------|-----------|----------|---------|-------------------------------------|---------|
| 52  | K53 LH1           | Ngô Thị Kim Loan      | 02/08/2001 | 7.0       | 5.1      | 5.7     | Kinh tế vi mô                       |         |
| 53  | K53 LH1           | Kim Thị Mỹ Duyên      | 13/02/2001 | 8.3       | 5.7      | 6.5     | Kinh tế vi mô                       |         |
| 54  | K53 LH1           | Bùi Thị Quý Anh       | 06/12/2000 | 8.0       | 4.6      | 5.6     | Kinh tế vi mô                       |         |
| 55  | K50 KTDL          | Võ Phước Minh Tân     | 26/03/1998 | 9.0       | 9.3      | 9.2     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 56  | K50 TMĐT          | Nguyễn Quốc Bảo       | 07/06/1998 | 7.3       | 0.0      | 2.2     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 57  | K51 HDDL2         | Bùi Thanh Thuận       | 05/08/1999 | 7.3       | 0.0      | 2.2     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 58  | K51 QLLH3         | Đoàn Thị Mến          | 24/08/1999 | 9.8       | 6.5      | 7.5     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 59  | K51 QLLH3         | Hà Thị Vân Anh        | 11/09/1999 | 8.7       | 2.3      | 4.2     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 60  | K51 QLLH3         | Lê Thị Hòa            | 08/04/1999 | 10.0      | 5.5      | 6.9     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 61  | K51 QLLH3         | Lê Thị Thanh          | 07/06/1999 | 10.0      | 5.5      | 6.9     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 62  | K51 TCSK          | Nguyễn Thị Mỹ Linh    | 24/02/1999 | 8.9       | 8.3      | 8.5     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 63  | K51 TCSK          | Phạm Thanh Trúc       | 11/11/1999 | 9.1       | 5.3      | 6.4     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 64  | K51 TMDT          | Huỳnh Thị Vi Viên     | 23/03/1999 | 8.9       | 8.5      | 8.6     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 65  | K51 TMĐT          | Lê Văn Anh Quốc       | 03/05/1999 | 2.7       | 8.8      | 7.0     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 66  | K51 TTMKT         | Nguyễn Thị Thanh Nhân | 18/09/1998 | 8.7       | 4.3      | 5.6     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 67  | K52 QTDVDL& LHĐT2 | Trần Huy              | 24/01/1999 | 8.9       | 5.0      | 6.2     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 68  | K52 QTDVDL& LHĐT1 | Đậu Quỳnh Mai         | 05/10/2000 | 8.9       | 7.3      | 7.8     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 69  | K52 QTDVDL& LHĐT2 | Tạ Thị Ánh Nguyệt     | 09/09/2000 | 8.1       | 6.5      | 7.0     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 70  | K52 QTKS1         | Nguyễn Lan Quỳnh      | 14/03/2000 | 8.7       | 9.0      | 8.9     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 71  | K52 TCSK          | võ văn công           | 02/03/2000 | 0.0       | 8.0      | 5.6     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 72  | K52 TTMKT         | Lê Thảo Nhi           | 05/09/2000 | 3.3       | 6.8      | 5.8     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 73  | K53 QTNH& DVAU    | Lê Thị Hằng           | 21/01/2001 | 10.0      | 7.8      | 8.5     | Kinh tế vĩ mô                       |         |
| 74  | K49 QLLH2         | Trần Thị Thu Hiền     | 25/10/1997 | 10.0      | 3.0      | 5.1     | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 75  | K50 TMĐT          | Nguyễn Quốc Bảo       | 07/06/1998 | 10.0      | 8.0      | 8.6     | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 76  | K50 TMĐT          | Nguyễn Thị Thu Hiền   | 21/12/1999 | 7.3       | 2.5      | 3.9     | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 77  | K51 QLLH1         | Hồ Thị Hiền Nhi       | 27/07/2000 | 7.3       | 7.5      | 7.4     | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 78  | K52 QTKS1         | Trương Thị Tường Vy   | 13/12/2000 | 7.7       | 4.0      | 5.1     | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 79  | K52 QTKS1         | Lê Thị Tuyền          | 07/06/2000 | 7.7       | 4.0      | 5.1     | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |

| STT | LỚP THEO HỌC     | HỌ VÀ TÊN                | NGÀY SINH  | Điểm QTHT | Điểm thi | Điểm HP    | HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ                    | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------|------------|-----------|----------|------------|-------------------------------------|---------|
| 80  | K52 QTKS1        | Nguyễn Văn Bảo<br>Thiện  | 13/10/1999 | 8.0       | 2.5      | <b>4.2</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 81  | K52 QTKS1        | Lý Ngọc Uyên<br>Nhi      | 03/08/2000 | 7.3       | 5.5      | <b>6.0</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 82  | K52 QTKS1        | Trần Thị Quế<br>Trâm     | 18/01/2000 | 9.3       | 4.5      | <b>5.9</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 83  | K52 QTKS1        | Nguyễn Thanh Như<br>Tâm  | 23/12/2000 | 8.7       | 4.5      | <b>5.8</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 84  | K52 QTKS1        | Nguyễn Ngọc Diễm<br>My   | 04/07/2000 | 6.7       | 2.5      | <b>3.8</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 85  | K52 QTKS1        | Hàn Thị Quỳnh<br>Ngân    | 23/11/2000 | 8.7       | 5.5      | <b>6.5</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 86  | K52 QTKS1        | Nguyễn Văn<br>Huy        | 28/06/2000 | 10.0      | 7.0      | <b>7.9</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 87  | K52 QTKS1        | Nguyễn Hữu<br>Thắng      | 18/09/2000 | 7.7       | 0.0      | <b>2.3</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 88  | K52 QTKS1        | Nguyễn Hoài Hạ<br>Vy     | 07/03/2000 | 7.3       | 6.5      | <b>6.7</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 89  | K52 TCSK         | Bùi Thị Thanh<br>Nhân    | 28/03/2001 | 9.3       | 0.0      | <b>2.8</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 90  | K53 LH 1         | Ngô Thị Cẩm<br>Ánh       | 01/12/2001 | 6.0       | 4.5      | <b>5.0</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 91  | K53 LH 1         | Trương Thị<br>Sâm        | 20/02/2001 | 9.3       | 8.5      | <b>8.7</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 92  | K53 LH1          | Lê Hồ Minh<br>Khoa       | 20/06/2001 | 6.0       | 4.5      | <b>5.0</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 93  | K53 LH1          | Hà Thị<br>Sinh           | 17/06/2001 | 6.0       | 4.5      | <b>5.0</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 94  | K53 LH1          | Phan Văn Anh<br>Bảo      | 28/09/2001 | 0.0       | 5.5      | <b>3.9</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 95  | K52 LH 1         | Nguyễn Thị<br>Hằng       | 17/02/2000 | 6.7       | 8        | <b>7.6</b> | Marketing căn bản                   |         |
| 96  | K53 DL1          | Boulauong<br>King        | 04/07/2000 | 8.7       | 8        | <b>8.2</b> | Marketing căn bản                   |         |
| 97  | K53 DL1          | Sitthipanya<br>Soukdav   | 04/05/2001 | 8.7       | 8        | <b>8.2</b> | Marketing căn bản                   |         |
| 98  | K54 QTDVDL&LHĐT1 | Trần Thị Ngọc Tiên       | 00/01/1900 | 9.3       | 9.8      | <b>9.7</b> | Marketing du lịch                   |         |
| 99  | K51 TCSK         | Nguyễn Thị Phương<br>Anh | 00/01/1900 | 0         | 6.6      | <b>4.6</b> | Nguyên lý kế toán                   |         |
| 100 | K53 LH2          | Võ Văn<br>Thanh          | 11/10/2001 | 8.3       | 9        | <b>8.8</b> | Nguyên lý kế toán                   |         |
| 101 | K52 TCSK         | Nguyễn Phạm Bảo<br>Vy    | 21/07/2000 | 8.3       | 9        | <b>8.8</b> | Nguyên lý kế toán                   |         |
| 102 | K52 TCSK         | Dương Hồng<br>Diệu       | 26/11/2000 | 8         | 6.5      | <b>7</b>   | Nguyên lý kế toán                   |         |
| 103 | K52 TCSK         | Lê Nguyễn Hồng<br>Phúc   | 26/01/2000 | 8.3       | 8        | <b>8.1</b> | Nguyên lý kế toán                   |         |
| 104 | K51 TCSK         | Nguyễn Thị Phương Anh    | 21/01/1998 | 5.9       | 5.8      | <b>5.8</b> | Nguyên lý thống kê kinh tế          |         |
| 105 | K51 TMDT         | Huỳnh Thị Vi Viên        | 26/03/1999 | 5.7       | 4.5      | <b>4.9</b> | Nguyên lý thống kê kinh tế          |         |
| 106 | K51 QTKD         | Lê Khắc Kiều Ngân        | 08/05/1999 | 7.6       | 6        | <b>6.6</b> | Nhập môn du lịch điện tử            |         |
| 107 | K51 QTKD         | Mai Thị Yến Nhi          | 08/12/1999 | 7.6       | 6.5      | <b>6.9</b> | Nhập môn du lịch điện tử            |         |

| STT | LỚP THEO HỌC     | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | Điểm QTHT | Điểm thi | Điểm HP    | HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ            | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------------|------------|-----------|----------|------------|-----------------------------|---------|
| 108 | K51 QTKD         | Trần Mai Huyền Mí      | 11/10/1999 | 7.6       | 6.5      | <b>6.9</b> | Nhập môn du lịch điện tử    |         |
| 109 | K54 QTDVĐL&LHĐT1 | Trần Thị Ngọc Tiên     | 00/01/1900 | 9.4       | 9        | <b>9.2</b> | Nhập môn Marketing điện tử  |         |
| 110 | K51 QTKD         | Bùi Quang Nhật         | 13/04/1999 | 0         | 0        | <b>0</b>   | Nhập môn quan hệ công chúng |         |
| 111 | K50 KTDL         | Võ Phước Minh Tân      | 26/03/1998 | 9         | 0        | <b>2.7</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 112 | K51 KTDL         | Trần Thị Thu Vân       | 05/11/1999 | 4.7       | 0        | <b>1.4</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 113 | K51 QTKD         | Lê Khắc Kiều Ngân      | 08/05/1999 | 7.5       | 8        | <b>7.9</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 114 | K51 QTKD         | Lê Thị Kim Hằng        | 16/05/1999 | 6.3       | 7.5      | <b>7.1</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 115 | K51 TCSK         | Nguyễn Ngọc Bảo Hoà    | 16/11/1999 | 6.2       | 8.5      | <b>7.8</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 116 | K51 TCSK         | Nguyễn Thanh Nhung     | 03/11/1999 | 6.7       | 7.2      | <b>7.1</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 117 | K51 TMĐT         | Đỗ Thị Quỳnh Trâm      | 29/08/1999 | 6.9       | 8.6      | <b>8.1</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 118 | K51 TMĐT         | Cái Thị Bích Trâm      | 07/03/1999 | 9         | 8.3      | <b>8.5</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 119 | K51 TMĐT         | Hoàng Anh Vũ           | 04/05/1999 | 7.4       | 8.3      | <b>8</b>   | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 120 | K51 TMĐT         | Võ Thị Ngọc Chi        | 01/05/1999 | 9.5       | 8.4      | <b>8.7</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 121 | K51 TMĐT         | Huỳnh Thị Vi Viên      | 26/03/1999 | 7.1       | 8.1      | <b>7.8</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 122 | K51 TMĐT         | Nguyễn Thị Thúy        | 30/04/1999 | 9.1       | 0        | <b>2.7</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 123 | K51 TMĐT         | Trần Thị Hiền          | 02/12/1999 | 8.7       | 8.7      | <b>8.7</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 124 | K52 Du lịch 2    | Nguyễn Thị Hoàng Diệu  | 25/01/2000 | 8         | 0        | <b>2.4</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành      |         |
| 125 | K51 HDDL1        | Nguyễn Đức Mạnh        | 08/02/1999 | 10        | 7        | <b>7.9</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành 3    |         |
| 126 | K51 HDDL1        | Lê Thị Hồng            | 13/01/1999 | 10        | 8        | <b>8.6</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành 3    |         |
| 127 | K51 HDDL1        | Trần Thế An Thạch      | 15/02/1999 | 0         | 7        | <b>4.9</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành 3    |         |
| 128 | K51 HDDL2        | Hà Trọng Thanh         | 16/11/1999 | 10        | 7.5      | <b>8.3</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành 3    |         |
| 129 | K51 HDDL2        | Lưu Thị Thanh Trà      | 08/06/1999 | 8.3       | 7.5      | <b>7.7</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành 3    |         |
| 130 | K51 HDDL2        | Trương Thị Thanh Tú    | 10/06/1999 | 8         | 8        | <b>8</b>   | Ngoại ngữ chuyên ngành 3    |         |
| 131 | K51 QLLH1        | Nguyễn Thuỳ Linh       | 11/02/1999 | 8.3       | 7.5      | <b>7.7</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành 3    |         |
| 132 | K51 QLLH1        | Vũ Văn Long            | 23/12/1999 | 8         | 7.5      | <b>7.7</b> | Ngoại ngữ chuyên ngành 3    |         |
| 133 | K53 DLĐT         | Lê Thị Ánh Vân         | 10/06/2001 | 8         | 8        | <b>8</b>   | Pháp luật đại cương         |         |
| 134 | K53 LH1          | Nguyễn Thị Trúc Phương | 09/11/2001 | 8.3       | 8        | <b>8.1</b> | Pháp luật đại cương         |         |

| STT | LỚP THEO HỌC     | HỌ VÀ TÊN                 | NGÀY SINH  | Điểm QTHT | Điểm thi | Điểm HP    | HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ                     | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------|------------|-----------|----------|------------|--------------------------------------|---------|
| 135 | K52 TCSK         | Bùi Vũ Hạnh<br>Nguyễn     | 16/12/2000 | 8.2       | 8        | <b>8.1</b> | Pháp luật đại cương                  |         |
| 136 | K52 TCSK         | Võ Văn<br>Công            | 02/03/2000 | 7.3       | 9        | <b>8.5</b> | Pháp luật đại cương                  |         |
| 137 | K52 QTKS1        | Nguyễn Thị Thuý<br>Ngân   | 03/08/2000 | 8         | 7        | <b>7.3</b> | Pháp luật đại cương                  |         |
| 138 | K53 QTKD         | Phan Văn Anh<br>Bảo       | 28/09/2001 | 8.8       | 8.5      | <b>8.6</b> | Pháp luật đại cương                  |         |
| 139 | K53 QTKS 1       | Hoàng Thị Xuân<br>Phuong  | 15/12/2001 | 8.3       | 8        | <b>8.1</b> | Pháp luật đại cương                  |         |
| 140 | K53 QTKS 1       | Đặng Thị Yên<br>Nhi       | 07/07/2001 | 8.3       | 8        | <b>8.1</b> | Pháp luật đại cương                  |         |
| 141 | K53 QTKS 1       | Nguyễn Thị Kim<br>Ngân    | 12/03/2001 | 8         | 8        | <b>8</b>   | Pháp luật đại cương                  |         |
| 142 | K53 QTKS 1       | Nguyễn Thuý<br>Thanh      | 29/07/2001 | 8.3       | 8        | <b>8.1</b> | Pháp luật đại cương                  |         |
| 143 | K53 DLĐT         | Hồ Văn Minh<br>Nhật       | 31/05/2001 | 0         | 0        | <b>0</b>   | Pháp luật đại cương                  |         |
| 144 | K52 DL 2         | Cao Ngọc Nguyễn<br>Nguyễn | 12/06/2000 | 0         | 8        | <b>5.6</b> | Pháp luật đại cương                  |         |
| 145 | K53 NHAU         | Bùi Ngọc Phương<br>Thảo   | 23/11/2001 | 0         | 8        | <b>5.6</b> | Pháp luật đại cương                  |         |
| 146 | K51 KTDL         | Lê Trần Xuân Chương       | 25/04/1998 | 0         | 0        | <b>0</b>   | Phương pháp nghiên cứu trong du lịch |         |
| 147 | K52 QTDVDL&LHĐT1 | Bùi Thị Minh Tâm          | 11/01/2000 | 8.8       | 8.5      | <b>8.6</b> | Phương pháp nghiên cứu trong du lịch |         |
| 148 | K54 QTDVDL&LHĐT1 | Trần Thị Ngọc Tiên        | 30/04/2000 | 9.1       | 9        | <b>9</b>   | Phương pháp nghiên cứu trong du lịch |         |
| 149 | K53 QTDVDL&LHĐT3 | Bùi Ngọc Hân              | 04/06/2000 | 8.7       | 8        | <b>8.2</b> | Quản lý điểm đến                     |         |
| 150 | K54 QTDVDL&LHĐT1 | Trần Thị Ngọc Tiên        | 30/04/2000 | 9.6       | 9.4      | <b>9.5</b> | Quản lý điểm đến                     |         |
| 151 | K50 KTDL         | Võ Phước Minh Tân         | 26/03/1998 | 8.7       | 7        | <b>7.5</b> | Quản trị chiến lược                  |         |
| 152 | K51 TCSK         | Nguyễn Thị Phương Anh     | 21/09/1998 | 9.3       | 7        | <b>7.7</b> | Quản trị chiến lược                  |         |
| 153 | K51 KTDL         | Lê Trần Xuân Chương       | 25/04/1998 | 0         | 0        | <b>0</b>   | Quản trị học                         |         |
| 154 | K51 TCSK         | Nguyễn Thị Phương Anh     | 21/09/1998 | 8.2       | 8.5      | <b>8.4</b> | Quản trị học                         |         |
| 155 | K52 KTDL         | Hoàng Thị Phương Thảo     | 13/04/2000 | 8.2       | 8.7      | <b>8.6</b> | Quản trị học                         |         |
| 156 | K52 KTDL         | Lê Minh Thư               | 03/02/2000 | 8.2       | 6.8      | <b>7.2</b> | Quản trị học                         |         |
| 157 | K52 QTDVDL&LH1   | Nguyễn Thị Hương Giang    | 12/02/2000 | 7.3       | 8        | <b>7.8</b> | Quản trị học                         |         |
| 158 | K52 QTDVDL&LH2   | Tacoi Thị Ngoi            | 07/07/2000 | 9.3       | 8        | <b>8.4</b> | Quản trị học                         |         |
| 159 | K52 QTDVDL&LHĐT3 | Nguyễn Thị Uyên           | 20/04/2000 | 0         | 0        | <b>0</b>   | Quản trị học                         |         |
| 160 | K50 KTDL         | Võ Phước Minh Tân         | 26/03/1998 | 9         | 7.5      | <b>8</b>   | Quản trị nhân lực                    |         |
| 161 | K52 QTKSĐT2      | Nguyễn thị Thuý hằng      | 24/11/2000 | 9.2       | 7.3      | <b>7.9</b> | Quản trị nhân lực                    |         |

| STT | LỚP THEO HỌC          | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | Điểm QTHT | Điểm thi | Điểm HP    | HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ               | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------------------|------------|-----------|----------|------------|--------------------------------|---------|
| 162 | K52 QTKSĐT2           | Trần Thị Hạnh          | 17/12/2000 | 9.4       | 8.3      | <b>8.6</b> | Quản trị nhân lực              |         |
| 163 | K53 Du lịch đặc thù 1 | võ thị quỳnh như       | 01/08/2001 | 8.9       | 8.5      | <b>8.6</b> | Quản trị nhân lực              |         |
| 164 | K53 LH2               | Đồng Như Đức           | 09/09/2001 | 7.7       | 0        | <b>2.3</b> | Toán cao cấp 2                 |         |
| 165 | K50 QLLH2             | Nguyễn Thị Anh Thu     | 26/09/1998 | 7.3       | 5        | <b>5.7</b> | Toán cao cấp 2                 |         |
| 166 | K52 TCSK              | Phạm Long Vũ           | 31/05/2021 | 7.7       | 4.5      | <b>5.5</b> | Toán cao cấp 2                 |         |
| 167 | K52 TCSK              | Trần Duy Thái          | 28/08/2000 | 9         | 4.5      | <b>5.9</b> | Toán cao cấp 2                 |         |
| 168 | K51 TCSK              | Nguyễn Thị Minh Thảo   | 10/06/1999 | 7.7       | 8        | <b>7.9</b> | Toán cao cấp 2                 |         |
| 169 | K52 TCSK              | Phạm Nguyên Trâm Anh   | 20/02/2000 | 7.7       | 4.5      | <b>5.5</b> | Toán cao cấp 2                 |         |
| 170 | K53 QTKD              | Phan Văn Anh Bảo       | 28/09/2001 | 7.7       | 6        | <b>6.5</b> | Toán cao cấp 2                 |         |
| 171 | K52 Du lịch 2         | Bùi Thị Kim Quyên      | 06/05/2000 | 9.3       | 8.8      | <b>9</b>   | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 172 | K52 Du lịch 2         | Hồ Thị Phương Thảo     | 13/04/2000 | 9.3       | 6.3      | <b>7.2</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 173 | K52 Du lịch 2         | Lê Thị Bích Loan       | 17/02/2000 | 9.3       | 8.3      | <b>8.6</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 174 | K52 Du lịch 2         | Lê thị thanh tâm       | 18/04/2000 | 9.7       | 6.8      | <b>7.7</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 175 | K52 Du lịch 2         | Trần Thị Mây           | 25/11/2000 | 8.7       | 6.5      | <b>7.2</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 176 | K52 Du lịch 2         | Lê Thị Thanh Huyền     | 27/03/2000 | 8.6       | 6        | <b>6.8</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 177 | K52 Du lịch 2         | Cao Ngọc Nguyễn Nguyên | 12/06/2000 | 9.3       | 7.7      | <b>8.2</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 178 | K52 Du lịch 2         | Lê Nguyễn Kiều My      | 12/11/2000 | 8         | 8.2      | <b>8.1</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 179 | K52 Du lịch 2         | Hoàng Thị Hồng Thanh   | 16/06/2000 | 8.3       | 7.5      | <b>7.7</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 180 | K52 Du lịch 2         | Nguyễn Thị Ánh Tuyết   | 02/10/2000 | 9.3       | 7.7      | <b>8.2</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 181 | K52 Du lịch 2         | Nguyễn Thị Thanh Hoàng | 02/02/2000 | 9.3       | 7.8      | <b>8.3</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 182 | K52 Du lịch 2         | Nguyễn Thị Thuý Nga    | 16/01/2000 | 9         | 7.6      | <b>8</b>   | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 183 | K52 Du lịch 2         | Nguyễn Thị Y Bình      | 24/11/2000 | 9         | 7.8      | <b>8.2</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 184 | K52 QTDV DL&LHĐT1     | Bùi Thị Minh Tâm       | 11/01/2000 | 8.3       | 6        | <b>6.7</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 185 | K52 QTDV DL&LHĐT1     | Hồ Lan Trinh           | 30/11/2000 | 8.6       | 6        | <b>6.8</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 186 | K52 QTDV DL&LHĐT1     | Lê Anh Huy             | 03/09/2000 | 7.9       | 5.2      | <b>6</b>   | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 187 | K52 QTDV DL&LHĐT1     | Lê Quang Huy           | 01/04/2000 | 9         | 7.8      | <b>8.2</b> | Thống kê kinh doanh và kinh tế |         |
| 188 | K52 QTKS2             | Nguyễn Thị Thuý Ngân   | 03/08/2000 | 0         | 5        | <b>3.5</b> | Tâm lý đại cương               |         |
| 189 | K51 QTKD              | Nguyễn Thị Xuân Quỳnh  | 22/03/1999 | 0         | 7        | <b>4.9</b> | Tâm lý đại cương               |         |

| STT | LỚP THEO HỌC          | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | Điểm QTHT | Điểm thi | Điểm HP    | HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ  | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------------------|------------|-----------|----------|------------|-------------------|---------|
| 190 | K54 QTDVDL&LHĐT1      | Trần Thị Ngọc Tiên     | 30/04/2000 | 0         | 8.8      | <b>6.2</b> | Tâm lý du khách   |         |
| 191 | K51 HDDL 1            | Nguyễn Thị Bích Ngọc   | 09/04/1997 | 7.7       | 8.5      | <b>8.3</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 192 | K51 HDDL1             | Vũ Thị Thùy Linh       | 30/09/1999 | 9.3       | 7.3      | <b>7.9</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 193 | K52 Du lịch 1         | Hoàng Thị Kim Ngọc     | 29/03/2000 | 9.7       | 8.8      | <b>9.1</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 194 | K52 Du lịch 1         | Hoàng Thị Ý Nhi        | 28/07/2000 | 9.7       | 8.5      | <b>8.9</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 195 | K52 Du lịch 1         | Nguyễn Thị Diệu Phương | 17/12/2000 | 9.7       | 8.5      | <b>8.9</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 196 | K52 Du lịch 1         | Phạm Huỳnh Đức Nhã     | 04/07/2000 | 9.7       | 8.5      | <b>8.9</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 197 | K52 Du lịch 1         | Trần Thị Diễm Quỳnh    | 13/05/2000 | 9.7       | 8.8      | <b>9.1</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 198 | K52 QTDVDL&LH2        | Lê Tiến Đạt            | 21/01/2000 | 8.3       | 0        | <b>2.5</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 199 | K52 QTDVDL&LH2        | Lê Văn Tư              | 24/04/2000 | 8.3       | 0        | <b>2.5</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 200 | K52 QTDVDL&LHĐT1      | Nguyễn Thị Hằng        | 17/02/2000 | 9.3       | 6.8      | <b>7.6</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 201 | K52 TCSK              | võ văn công            | 02/03/2000 | 8.3       | 7        | <b>7.4</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 202 | K53 DL đặc thù 1      | Trần Thị Trúc Hà       | 22/03/2001 | 9         | 5        | <b>6.2</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 203 | K53 Du lịch đặc thù 1 | Võ Thị Ngọc Mến        | 14/04/2001 | 9.7       | 8.8      | <b>9.1</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 204 | K53 Du lịch ĐT1       | Lê thị thu hà          | 06/01/2001 | 9         | 4.8      | <b>6.1</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 205 | K53 Du lịch ĐT1       | Hồ Thị Khánh An        | 10/08/2001 | 9.5       | 4.8      | <b>6.2</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 206 | K53 Du lịch ĐT1       | Võ Thị Hiền            | 22/10/2001 | 9.5       | 7.5      | <b>8.1</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 207 | K53 QTDVDL&LH ĐT1     | Nguyễn Thị Thu Hương   | 14/02/2001 | 9.7       | 7        | <b>7.8</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 208 | K53 QTDVDL&LHĐT1      | Phan Thị Minh Huệ      | 13/01/2001 | 9.7       | 6        | <b>7.1</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 209 | K53 QTDVDL&LHĐT4      | Nguyễn Thị Như Mơ      | 03/09/2001 | 9.3       | 7.8      | <b>8.3</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 210 | K53 DLĐT2             | Phan Thị Ngọc Ánh      | 08/08/2001 | 9.3       | 7        | <b>7.7</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 211 | K53 DLĐT2             | Trần Thị Thiện Hào     | 08/11/2001 | 9.3       | 7        | <b>7.7</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 212 | K53 DLĐT2             | Trần Thị Thuý Hiền     | 27/03/2001 | 9.3       | 7        | <b>7.7</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 213 | K53 DLĐT              | Trịnh Thị Hiền         | 26/12/2001 | 9.3       | 6        | <b>7</b>   | Tổng quan du lịch |         |
| 214 | K53 DLĐT              | Hồ Thị Thúy An         | 12/01/2001 | 9.3       | 6        | <b>7</b>   | Tổng quan du lịch |         |
| 215 | K53 DLĐT              | Hồ Thị Thúy Lan        | 18/01/2001 | 9.3       | 7        | <b>7.7</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 216 | K53 DLĐT              | Hồ Văn Minh Nhật       | 31/05/2001 | 9.3       | 0        | <b>2.8</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 217 | K52 TCSK              | Dương Hồng Diệu        | 26/11/2000 | 9.3       | 8        | <b>8.4</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 218 | K52 LH ĐT1            | Nguyễn Phước Bảo Hiếu  | 03/11/2000 | 0         | 8.5      | <b>6</b>   | Tổng quan du lịch |         |

| STT              | LỚP THEO HỌC     | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | Điểm QTHT | Điểm thi | Điểm HP    | HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ     | Ghi chú |
|------------------|------------------|------------------------|------------|-----------|----------|------------|----------------------|---------|
| 219              | K52 QTDVDL&LHĐT2 | Trần Thị Linh          | 30/04/2000 | 9         | 4        | <b>6</b>   | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 220              | K50 HDDL 2       | Đặng Công Tây          | 16/01/1998 | 7.6       | 0        | <b>3</b>   | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 221              | K51 KTDL         | Đoàn Đình Lê Thu       | 15/09/1999 | 0         | 0        | <b>0</b>   | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 222              | K51 QTKD         | Trương Thị Thu Phương  | 14/07/1999 | 9         | 8.5      | <b>8.7</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 223              | K51 TCSK         | Nguyễn Thị Phương Anh  | 21/09/1998 | 9         | 8.5      | <b>8.7</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 224              | K52 Du lịch 2    | Phạm Thị Yến Nhi       | 25/12/2000 | 9.3       | 8.5      | <b>8.8</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 225              | K52 Du lịch 2    | Nguyễn Thị Thu Uyên    | 12/11/2000 | 0         | 8.5      | <b>5.1</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 226              | K52 QTDVDL&LH2   | Nguyễn Thị Hương Lan   | 24/05/2000 | 8         | 8        | <b>8</b>   | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 227              | K52 QTDVDL&LHĐT3 | Nguyễn Hải Uyên        | 09/10/2020 | 8.6       | 9        | <b>8.8</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 228              | K52 QTDVDL&LHĐT3 | Nguyễn Thị Uyên        | 20/04/2000 | 1.5       | 7.5      | <b>5.1</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 229              | K52 QTDVDL&LHĐT3 | Huỳnh Đắc Minh Tuấn    | 04/02/2000 | 1.8       | 8        | <b>5.5</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 230              | K52 QTKS1        | Trần Thị Ngọc Ánh      | 22/11/2000 | 8.6       | 7        | <b>7.6</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 231              | K53 QTKSĐT1      | Lê Thị Hồng Giang      | 12/09/2001 | 9.3       | 4        | <b>6.1</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 232              | K53 DLĐT         | Hoàng Ngọc Huy         | 27/08/2001 | 8         | 8.5      | <b>8.3</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 233              | K51 QLLH2        | Lê Khánh Linh          | 16/09/1999 | 0         | 7.5      | <b>5.3</b> | Văn hóa và du lịch   |         |
| 234              | K50 KTDL         | Võ Phước Minh Tân      | 26/03/1998 | 0         | 8        | <b>5.6</b> | Văn hóa và du lịch   |         |
| 235              | K51 QTKD         | Nguyễn Thị Xuân Quỳnh  | 22/03/1999 | 0         | 8.5      | <b>6</b>   | Văn hóa học          |         |
| <b>Học kỳ hè</b> |                  |                        |            |           |          |            |                      |         |
| 1                | K51 HDDL2        | Hồ Xuân Trường         |            | 10        | 7.5      | <b>8.3</b> | ĐLKMĐCSVN            |         |
| 2                | K51 HDDL2        | Lưu Thị Thanh Trà      |            | 10        | 7.5      | <b>8.3</b> | ĐLKMĐCSVN            |         |
| 3                | K51 HDDL1        | Hoàng Văn Đô           |            | 9.7       | 7        | <b>7.8</b> | ĐLKMĐCSVN            |         |
| 4                | K51 HDDL2        | Mai Thị Ngọc Ánh       |            | 8.3       | 6.5      | <b>7</b>   | ĐLKMĐCSVN            |         |
| 5                | K51 TMDT         | Lê Văn Hòa             |            | 7.3       | 7        | <b>7.1</b> | ĐLKMĐCSVN            |         |
| 6                | K51 TCSK         | Trần Thị Như Ngọc      |            | 8.3       | 9        | <b>8.8</b> | ĐLKMĐCSVN            |         |
| 7                | K51 TCSK         | Nguyễn Như Thảo Nguyên |            | 9.7       | 8.5      | <b>8.9</b> | ĐLKMĐCSVN            |         |
| 8                | K51 HDDL2        | Nguyễn Tăng Phú        |            | 9.7       | 7        | <b>7.8</b> | ĐLKMĐCSVN            |         |
| 9                | K51 QLLH2        | Trà Tiến Hào           |            | 9         | 7.5      | <b>8</b>   | ĐLKMĐCSVN            |         |
| 10               | K51 TMDT         | Võ Thị Ngọc Chi        |            | 9.8       | 9.3      | <b>9.5</b> | Tổng quan du lịch    |         |
| 11               | K51 TMDT         | Huỳnh Thị Vi Viên      |            | 9.8       | 9.3      | <b>9.5</b> | Tổng quan du lịch    |         |

| STT | LỚP THEO HỌC | HỌ VÀ TÊN  | NGÀY SINH  | Điểm QTHT | Điểm thi | Điểm HP    | HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ  | Ghi chú |
|-----|--------------|--|------------|-----------|----------|------------|-------------------|---------|
| 12  | K51 TMĐT     | Lê Văn Diên                                      |            | 9.5       | 9.5      | <b>9.5</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 13  | K51 TMĐT     | Đỗ Thị Quỳnh Trâm                                |            | 9.3       | 8.7      | <b>8.9</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 14  | K51 TCSK     | Lê Hà Hoàng Ngân                                 |            | 9.5       | 9        | <b>9.2</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 15  | K51 TCSK     | Quách Thị Ngọc My                                |            | 9.5       | 9        | <b>9.2</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 16  | K51 TMĐT     | Hoàng Ngọc Thọ                                   |            | 9.5       | 9.5      | <b>9.5</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 17  | K51 HDDL2    | Lưu Thị Thanh Trà                                |            | 9.6       | 9.2      | <b>9.3</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 18  | K51 HDDL2    | Hồ Xuân Trường                                   |            | 9.5       | 9.5      | <b>9.5</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 19  | K51 KTDL     | Uông Linh Giang                                  |            | 9.6       | 9.2      | <b>9.3</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 20  | K52 LHĐT3    | Tạ Thị Hồng Nga                                  |            | 9.3       | 8.7      | <b>8.9</b> | Tổng quan du lịch |         |
| 21  | 15D4011168   | Lê Văn <span style="float: right;">Phuong</span> | 17/8/97    | 9         | 8.5      | <b>8.7</b> | Lịch sử Việt Nam  |         |
| 22  | K52 KTDL     | Trần Huyền Trang                                 | 08/12/2000 | 6.3       | 6        | <b>6.1</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 23  | K51 QHCC     | Ngô Lê Hàn Minh                                  | 02/11/1999 | 8.3       | 4.5      | <b>5.6</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 24  | K51 TMĐT     | Võ Thị Ngọc Chi                                  | 01/05/1999 | 7.3       | 4.5      | <b>5.3</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 25  | K51 QTKD     | Phan Huỳnh Thanh Trúc                            | 24/11/1999 | 9.7       | 7.5      | <b>8.2</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 26  | K52 TTMKT    | Phạm Tấn Tài                                     | 26/01/2000 | 8.3       | 3.5      | <b>4.9</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 27  | K52 KTDL     | Lê Minh Thư                                      | 03/02/2000 | 8         | 4        | <b>5.2</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 28  | K52 TTMKT    | Trần Nguyên Vũ                                   | 12/09/2000 | 6.3       | 4.5      | <b>5</b>   | Toán cao cấp 2    |         |
| 29  | K52 TTMKT    | Hồ Thị Minh Thi                                  | 27/01/2000 | 8.3       | 5.5      | <b>6.3</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 30  | K52 TTMKT    | Lê Thị Kim Thanh                                 | 19/11/2000 | 8.7       | 6        | <b>6.8</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 31  | K52 TCSK     | Nguyễn Văn Thành                                 | 09/06/2000 | 6         | 3        | <b>3.9</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 32  | K52 TTMKT    | Hồ Thị Phương Thảo                               | 08/11/2000 | 7.3       | 5        | <b>5.7</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 33  | K52 TTMKT    | Lê Thảo Nhi                                      | 05/09/2000 | 6.3       | 2.5      | <b>3.6</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 34  | K52 TTMKT    | Vũ Thục Nhi                                      | 25/11/2000 | 9.3       | 5        | <b>6.3</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 35  | K52 TTMKT    | Đặng Thị Thúy Nhi                                | 11/01/2000 | 7.3       | 5.5      | <b>6</b>   | Toán cao cấp 2    |         |
| 36  | K51 TMĐT     | Hoàng Anh Vũ                                     | 04/05/1999 | 10        | 7        | <b>7.9</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 37  | K52 TTMKT    | Huỳnh Xuân Vĩ                                    | 06/12/2000 | 3         | 5.5      | <b>4.8</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 38  | K52 TTMKT    | Ngô Thị Thanh Tâm                                | 01/08/2000 | 6.3       | 3        | <b>4</b>   | Toán cao cấp 2    |         |
| 39  | K52 KTDL     | Nguyễn Phương Thi                                | 11/02/2000 | 7         | 5        | <b>5.6</b> | Toán cao cấp 2    |         |
| 40  | K52 KTDL     | Nguyễn Đình Nhật Xuân                            | 03/02/2000 | 6         | 6        | <b>6</b>   | Toán cao cấp 2    |         |

| STT | LỚP THEO HỌC | HỌ VÀ TÊN           | NGÀY SINH  | Điểm QTHT | Điểm thi | Điểm HP    | HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ                    | Ghi chú |
|-----|--------------|---------------------|------------|-----------|----------|------------|-------------------------------------|---------|
| 41  | K52 TTMKT    | Nguyễn Thị Cẩm Tiên | 21/04/2000 | 10        | 7        | <b>7.9</b> | Toán cao cấp 2                      |         |
| 42  | K50 QLLH1    | Lê Đình Thảo        | 00/01/1900 | 7         | 4        | <b>4.9</b> | Toán cao cấp 2                      |         |
| 43  | K50 HDDL3    | Mai Anh Quốc        | 20/08/1998 | 10        | 8        | <b>8.6</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 44  | K50 HDDL1    | Huỳnh Thị Hồng Đào  | 30/11/1998 | 8.7       | 6        | <b>6.8</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 45  | K51 LH1      | Đặng Thị Ngọc       | 16/06/1999 | 10        | 7        | <b>7.9</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |
| 46  | K51 KTDL     | Uông Linh Giang     | 11/10/1999 | 8.3       | 3.5      | <b>4.9</b> | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |         |